

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 04 35 540 845 Fax: (84-4) 04 35 540 847

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Petroleum.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2010 thì:

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: PHH

Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Sông Hồng	70 An Dương, quận Tây Hồ, Hà Nội	(*)
2	Lê Hoàng Anh	Số 5 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, Quận Đống Đa, Hà Nội.	257.100
3	Hoàng Quốc Huy	20 ngách 165/4 Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	187.960
4	Đoàn Thị Bích Hà	Nhà 6C - P4 Nam Đồng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội	131.100
5	Nguyễn Hải Sơn	42B Hàng Cót, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.200
6	Lê Quang Việt	422/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	146.400
7	Lê Phong	Số 5, Hàng Bún, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội	17.200

(*) Đã chuyển nhượng cổ phần

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản./.
- Tư vấn đầu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, gồm:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Hội đồng quản trị

- Ông Lê Hoàng Anh
- Ông Hoàng Quốc Huy
- Bà Đoàn Thị Bích Hà
- Ông Trịnh Thanh Giảng
- Ông Trần Văn Long

Chức vụ

- Chủ tịch
- Phó Chủ tịch
- Ủy viên
- Ủy viên
- Ủy viên

Ban Giám đốc

- Ông Hoàng Quốc Huy
- Bà Đoàn Thị Bích Hà
- Ông Lê Quang Việt
- Ông Trần Văn Long
- Ông Phạm Vinh Hiền
- Bà Lê Hoài Thu

Chức vụ

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Kế toán trưởng

Trụ sở chính

Địa chỉ : 206A, đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội
Tel : 04 355 408 45
Fax : 04 355 408 47
Mã số thuế : 0100109674

Các đơn vị phụ thuộc

Tên chi nhánh	Địa chỉ	Giám đốc
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 96/108 đường Trục - Phường 13 - Quận Bình Thạnh - TP Hồ Chí Minh	Lê Quốc Tuấn
CN Công ty tại Đà Nẵng	Lô B1 - 37 Lê Thanh Nghị, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Lê Văn Tuấn

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Hoàng Quốc Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2011

Số: -11/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 được lập ngày 25 tháng 7 năm 2011 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 05, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí giữ 09 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Trần Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0946/KTV

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		534,200,761,153	635,273,827,109
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27,705,123,057	117,900,535,955
1. Tiền	111		27,705,123,057	117,150,535,955
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	750,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12,000,000,000	47,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	12,000,000,000	47,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		302,177,383,191	352,200,073,352
1. Phải thu của khách hàng	131		150,244,784,696	239,856,377,878
2. Trả trước cho người bán	132		39,337,026,002	27,786,072,598
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	112,595,572,493	84,557,622,876
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	182,666,713,741	111,342,479,133
1. Hàng tồn kho	141		182,666,713,741	111,342,479,133
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,651,541,164	6,830,738,669
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		101,653,825	10,789,771
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,507,491,779	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.2.1	5,042,395,560	6,819,948,898
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		274,438,449,212	254,634,138,696
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		11,271,021,951	25,713,507,111
1. TSCĐ hữu hình	221	V.5	9,811,476,215	24,299,415,920
- Nguyên giá	222		17,735,703,682	42,691,126,355
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7,924,227,467)	(18,391,710,435)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	1,459,545,736	1,414,091,191
III. Bất động sản đầu tư	240	V.7	3,987,117,500	3,987,117,500
- Nguyên giá	241		3,987,117,500	3,987,117,500
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		258,026,550,000	222,916,280,000
1. Đầu tư vào Công ty con	251	VII.2.2	131,963,550,000	120,853,280,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	126,063,000,000	102,063,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,153,759,761	2,017,234,085
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1,153,759,761	2,017,234,085
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		808,639,210,365	889,907,965,805

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		544,783,334,286	597,989,295,621
I. Nợ ngắn hạn	310		434,305,915,767	486,119,468,501
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	42,813,619,224	76,515,910,779
2. Phải trả người bán	312		170,002,604,615	236,435,371,512
3. Người mua trả tiền trước	313		180,662,207,648	151,020,860,011
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.11	551,942,058	4,263,997,915
5. Phải trả người lao động	315		204,617,904	472,025,772
6. Chi phí phải trả	316	V.12	3,406,490,928	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	32,774,890,282	13,338,135,452
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3,889,543,108	4,073,167,060
II. Nợ dài hạn	330		110,477,418,519	111,869,827,120
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	109,658,022,600	111,869,827,120
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.15	819,395,919	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		263,855,876,079	291,918,670,184
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	263,855,876,079	291,918,670,184
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200,000,000,000	200,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59,696,774,500	59,826,774,500
3. Cổ phiếu quỹ	414		(19,753,522,486)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10,598,167,736	10,598,167,736
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,160,300,000	2,160,300,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4,082,251,900	4,082,251,900
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7,071,904,429	15,251,176,048
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		808,639,210,365	889,907,965,805

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Hoàng Quốc Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 04 35 540 845

Fax: 04 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011

đến 30/6/2011

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	235,552,826,218	367,017,098,572
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.18	309,765,455	178,393,619
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.19	235,243,060,763	366,838,704,953
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	223,312,161,880	340,031,826,254
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11,930,898,883	26,806,878,699
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	20,393,811,750	2,168,230,789
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	13,083,819,917	3,791,481,168
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13,083,819,917</i>	<i>3,791,481,168</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.2.3	14,572,324,211	14,720,543,140
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		4,668,566,505	10,463,085,180
11. Thu nhập khác	31	VII.2.4	4,003,541,543	228,665,455
12. Chi phí khác	32	VII.2.5	5,215,562	44,529,714
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3,998,325,981	184,135,741
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8,666,892,486	10,647,220,921
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.23	775,592,138	2,536,660,094
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.24	819,395,919	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		7,071,904,429	8,110,560,827

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Hoàng Quốc Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Vãn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 04 35 540 845

Fax: 04 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011

đến 30/6/2011

Mẫu số B 03a - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		458,869,664,563	427,260,458,760
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(455,601,474,147)	(391,172,507,726)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(8,273,036,992)	(5,618,075,880)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(13,326,315,817)	(3,857,615,418)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2,812,801,608)	(350,000,000)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		251,980,218,750	135,206,785,670
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(236,438,480,472)	(215,626,255,328)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5,602,225,723)	(54,157,209,922)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(12,901,110,364)	(3,246,189,000)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		-	411,532,000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(26,375,270,000)	(21,715,700,000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		2,718,000,000	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7,632,811,750	2,168,230,789
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28,925,568,614)	(22,382,126,211)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	9,216,504,000
2 Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		(19,753,522,486)	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		38,695,635,399	144,519,811,726
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(74,609,731,474)	(52,975,050,107)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-

6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5,116,920,234)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(55,667,618,561)	95,644,345,385
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(90,195,412,898)	19,105,009,252
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	117,900,535,955	17,531,401,526
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1 27,705,123,057	36,636,410,778

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN HÔNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Hoàng Quốc Huy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Petroleum.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2010 thì:

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: PHH

Trụ sở Công ty tại: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 04 35 540 845
Fax: 04 35 540 847

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản./.
- Tư vấn đầu thầu;

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng tiền Việt Nam ("VND"). Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định của Luật kế toán Việt Nam số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán EASY Accounting.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số Việt Nam 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt, chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Phương tiện vận tải	5 - 10
- Máy móc thiết bị	2 - 7
- Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

3.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất tại lô đất số 1269 khu B1-35 Tây Nam Hòa Cường - Phường Hòa Cường Nam - TP Đà Nẵng và 01 lô đất tại Bình Hòa - Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp hình thành bất động sản đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết, cho vay vốn có thời hạn thu hồi trên một năm và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội và góp vốn vào Công ty TNHH ChacKaPhanh MiNing Group, Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí và Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày đầu tư.

Tại thời điểm 30/6/2011, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm phí bảo lãnh phát hành trái phiếu, giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị lợi thế vị trí địa lý, giá trị thương hiệu và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

Trong kỳ Công ty thực hiện 2 đợt mua cổ phiếu quỹ:

Đợt 1: Theo Nghị quyết 01-1/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 25/01/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.500.000 cổ phiếu và thời điểm thực hiện từ ngày 08/02/2011 đến 31/03/2011 và thông báo chấp thuận của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 29/02/2011. Kết quả của đợt mua lại cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại 1.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 13.729.670.000 VND.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

Đợt 2: Theo Nghị quyết 05-2/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 21/04/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.500.000 cổ phiếu và thời điểm thực hiện từ ngày 06/05/2011 đến 06/07/2011 và thông báo chấp thuận của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 25/04/2011. Do chưa kết thúc thời hạn mua lại cổ phiếu nên giá trị cổ phiếu quỹ đợt 2 ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011 là giá trị tạm thời căn cứ vào số tiền đã thanh toán tại tài khoản giao dịch chứng khoán (chưa tính các khoản phí giao dịch và lãi phát sinh từ số dư tiền tại tài khoản) với giá trị 6.023.852.486 VND.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu bán, cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê văn phòng, nhà xưởng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

- Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - “Hợp đồng xây dựng”.
- Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng và máy móc thiết bị được xác định theo thời gian cho thuê thực tế, hóa đơn tài chính đã xuất cho khách hàng và biên bản nghiệm thu thanh lý, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, sau khi đã trừ đi phần chi phí lãi vay được vốn hóa, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

10.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định các khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 30/6/2011, Công ty không tiến hành trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu khó đòi.

10.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng tòa nhà văn phòng 407 Nguyễn An Ninh được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

10.3. Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn, khoản vay

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(tiếp theo)

dài hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhằm mục đích mua sắm tài sản cố định, khoản vay qua phát hành trái phiếu của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh.

10.4. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với các hoạt động xây lắp và hoạt động khác.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác:

Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.5. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn của Công ty gồm: Giá vốn hoạt động xây lắp, cho thuê Thiết bị, bán Vật tư.

- Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định theo chi phí thực tế của từng công trình phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.
- Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị và cho thuê văn phòng, mặt bằng nhà xưởng là chi phí khấu hao và các chi phí khác phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

1. Tiền

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	349,355,600	469,461,905
Văn phòng Công ty	328,254,360	261,912,722
Xí nghiệp Thi công cơ giới số 1	-	26,217,065
Chi nhánh Đà Nẵng	4,808,638	3,598,007
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	16,292,602	177,734,111
Tiền gửi ngân hàng	27,355,767,457	116,681,074,050
Văn phòng Công ty	26,478,791,631	116,506,152,532
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN tây Hà Nội	8,675,090,064	104,670,262,255
- VND	8,675,090,064	104,670,262,255
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	17,718,918,168	11,783,164,974
- VND	17,718,918,168	11,783,164,974
Ngân hàng Thương mại Công thương Trần Hưng Đạo	-	1,025,265
Ngân hàng Quân đội - Tài khoản phong tỏa	10,197	50,773,547
Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Hai Bà Trưng	606,057	926,491
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	84,167,145	-
Chi nhánh Đà Nẵng	171,670,378	15,994,595
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng	20,586,369	14,984,306
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	151,084,009	1,010,289
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	705,305,448	158,926,923
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn	705,305,448	158,926,923
Các khoản tương đương tiền	-	750,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	-	750,000,000
Tổng cộng	27,705,123,057	117,900,535,955

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12,000,000,000	47,000,000,000
Ủy thác quản lý vốn Công ty Tài chính CP Điện lực	12,000,000,000	47,000,000,000
Tổng cộng	12,000,000,000	47,000,000,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

(tiếp theo)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác	112,595,572,493	84,557,622,876
Công ty Xây dựng số 24	155,970,336	155,970,336
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Quang Long	18,476,000,000	8,120,000,000
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	12,147,917,500	10,452,917,500
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	61,025,555,900	61,025,555,900
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	190,021,700	190,021,700
Công ty Cơ khí Xây dựng Gia Hoàng	-	100,000,000
Thu thanh lý tài sản	212,810,000	212,810,000
Bảo hiểm y tế	119,676,500	-
Phải thu cho thuê thiết bị	929,893,000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà 1	167,959,500	-
Chi nhánh Hồ Chí Minh	385,835,132	-
Ông Trần Văn Long	3,200,000,000	-
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Dự án 407 Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu	3,436,929,990	-
Công ty TNHH Phong Thịnh	11,347,160,000	-
Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Việt Hàn	494,384,000	-
Đối tượng khác	305,458,935	628,486,170
Tổng cộng	112,595,572,493	84,557,622,876

4. Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	182,666,713,741	111,342,479,133
Văn phòng Công ty	139,976,237,200	93,520,255,608
Xí nghiệp Thi công cơ giới số 1	-	3,073,715,552
Chi nhánh Đà Nẵng	2,885,090,972	2,740,568,810
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	39,805,385,569	12,007,939,163
Tổng cộng	182,666,713,741	111,342,479,133

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 04 35 540 845

Fax: 04 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011

đến 30/6/2011

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

(tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

(tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cao ốc VP 407 Nguyễn An Ninh	1,459,545,736	1,414,091,191
Tổng cộng	1,459,545,736	1,414,091,191

7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2011
Nguyên giá BĐS đầu tư	3,987,117,500	-	-	3,987,117,500
Quyền sử dụng đất	3,987,117,500	-	-	3,987,117,500
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại bất động sản đầu tư	3,987,117,500			3,987,117,500
Quyền sử dụng đất	3,987,117,500			3,987,117,500

8. Đầu tư dài hạn khác

	Tỷ lệ % biểu quyết	Tỷ lệ % vốn	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	19.05%	19.05%	4,200,500,000	4,200,500,000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	5.23%	5.23%	18,840,000,000	18,840,000,000
Công ty ChacKKaPhanh MiNing Group	20%	20%	77,022,500,000	77,022,500,000
Công ty Cổ phần XNK thủy sản Quảng Ninh	9.98%	9.98%	2,000,000,000	2,000,000,000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	40%	40%	24,000,000,000	-
Tổng cộng			126,063,000,000	102,063,000,000

9. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Giá trị lợi thế vị trí địa lý	357,534,512	715,069,010
Giá trị thương hiệu	75,000,000	150,000,000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	346,225,249	402,165,075
Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	375,000,000	750,000,000
Tổng cộng	1,153,759,761	2,017,234,085

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

(tiếp theo)

10. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Văn phòng Công ty	42,813,619,224	71,866,489,513
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân (*)	22,817,199,800	18,583,135,500
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (**)	19,996,419,424	53,283,354,013
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	-	4,649,421,266
Ngân hàng TMCP Quân đội CN Bắc Sài Gòn	-	4,649,421,266
Tổng cộng	42,813,619,224	76,515,910,779

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 63.11.003.5466.TD ngày 30/03/2011 lãi suất thả nổi được xác định bằng tổng của lãi suất tham chiếu và lãi suất biên, thời hạn vay từ 4 đến 6 tháng.

(2) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam lãi suất thả nổi 20,5%/năm, thời hạn vay 6 tháng.

11. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2011
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,723,960,915	3,473,231,113	5,071,929,839	125,262,189
Thuế TNDN	2,385,678,924	775,592,138	2,812,801,608	348,469,454
Thuế thu nhập cá nhân	154,358,076	637,285,997	713,433,658	78,210,415
Thuế nhà đất	-	52,150,300	52,150,300	-
Các loại thuế khác	-	6,000,000	6,000,000	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4,263,997,915			551,942,058

12. Chi phí phải trả

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí thi công - Công trình Vinafood 1	3,406,490,928	-
Tổng cộng	3,406,490,928	-

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Văn phòng Công ty	32,609,712,349	13,045,319,681
Kinh phí công đoàn	365,963,759	106,266,564
Cổ tức phải trả	15,501,978,000	301,978,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011***(tiếp theo)*

Công ty Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn	390,000,000	390,000,000
Trường trung cấp cảnh sát vũ trang	200,000,000	200,000,000
TCT CP xây lắp dầu khí VN - Ủng hộ quần đảo Trường sa	-	14,977,377
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	12,000,000,000	12,000,000,000
Trả hộ cho Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới số 1	4,013,329,713	-
Bảo hiểm xã hội	119,676,500	-
Phải trả khác	-	32,097,740
Xí nghiệp Thi công cơ giới số 1	-	160,000,000
Đặt cọc thuê thiết bị	-	160,000,000
Chi nhánh Đà Nẵng	26,815,001	5,888,000
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>12,702,864</i>	<i>4,183,977</i>
<i>Bảo hiểm y tế</i>	<i>2,598,313</i>	<i>855,813</i>
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>1,154,806</i>	<i>848,210</i>
<i>Phạm Thị Phụng</i>	<i>3,323,200</i>	-
<i>CBCNV</i>	<i>7,035,818</i>	-
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	138,362,932	126,927,771
Kinh phí công đoàn	25,111,775	59,728,941
Bảo hiểm xã hội	34,241,134	26,403,585
Bảo hiểm y tế	-	2,225,709
Bảo hiểm thất nghiệp	2,779,548	2,702,166
Các khoản phải trả khác	76,230,475	35,867,370
Tổng cộng	32,774,890,282	13,338,135,452

14. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Văn phòng Công ty	109,658,022,600	111,869,827,120
Vay dài hạn	109,658,022,600	111,869,827,120
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thanh Xuân (*)	9,658,022,600	11,869,827,120
Trái phiếu phát hành (**)	100,000,000,000	100,000,000,000
Tổng cộng	109,658,022,600	111,869,827,120

(*) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng vay số 247.09.003.5466.TD thời hạn vay 4 năm, lãi suất thả nổi 10,5%/năm.

(**) Khoản trái phiếu phát hành theo hợp đồng tư vấn và bảo lãnh phát hành số 021-10/TVPH-BLPH/EVNFC-ĐTTV kỳ hạn 2 năm, kỳ trả lãi 6 tháng một lần lãi suất kỳ đầu tiên là 15%/năm, lãi suất các kỳ tiếp theo được điều chỉnh 6 tháng một lần với lãi suất bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả sau, lãi suất biên 4,5%/năm.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

(tiếp theo)

15. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	819,395,919	-
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	819,395,919	-

16. Vốn chủ sở hữu

16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2010	50,000,000,000	19,879,625,000	19,598,956,603	89,478,581,603
Tăng vốn trong năm trước	150,000,000,000	43,876,800,000	-	193,876,800,000
Lãi trong năm trước	-	-	15,251,176,048	15,251,176,048
Giảm khác	-	(3,929,650,500)	(19,598,956,603)	(23,528,607,103)
Số dư ngày 31/12/2010	200,000,000,000	59,826,774,500	15,251,176,048	275,077,950,548
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	7,071,904,429	7,071,904,429
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-
Giảm khác	-	(130,000,000)	(15,251,176,048)	(15,381,176,048)
Số dư ngày 30/06/2011	200,000,000,000	59,696,774,500	7,071,904,429	266,768,678,929

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	200,000,000,000	200,000,000,000
Tổng cộng	200,000,000,000	200,000,000,000

16.3 Các quỹ của doanh nghiệp

	01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2011
Quỹ đầu tư phát triển	10,598,167,736	-	-	10,598,167,736
Quỹ dự phòng tài chính	2,160,300,000	-	-	2,160,300,000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4,082,251,900	-	-	4,082,251,900
Tổng cộng	16,840,719,636	-	-	16,840,719,636

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

(tiếp theo)

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

16.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận, được chia:

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp đầu năm	200,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	200,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15,251,176,048

16.5 Cổ phiếu:

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	20,000,000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	-
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	20,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	20,000,000
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	221,649,460,556	361,941,356,664
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	-	4,050,000,000
Doanh thu khác	13,903,365,662	1,025,741,908
Tổng cộng	235,552,826,218	367,017,098,572

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giảm giá hàng bán (điều chỉnh giảm quyết toán công tình)		
Hoạt động xây lắp	309,765,455	178,393,619
Tổng cộng	309,765,455	178,393,619

19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	221,339,695,101	361,762,963,045
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bất động sản	-	4,050,000,000
Doanh thu thuần khác	13,903,365,662	1,025,741,908
Tổng cộng	235,243,060,763	366,838,704,953

20. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	209,783,415,528	337,428,732,801
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	-	1,762,734,000
Giá vốn hoạt động khác	13,528,746,352	840,359,453
Tổng cộng	223,312,161,880	340,031,826,254

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

(tiếp theo)

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5,305,559,960	535,139,122
Lãi cổ tức, trái phiếu	2,299,924,760	558,500,000
Doanh thu tài chính khác	12,788,327,030	1,074,591,667
Tổng cộng	20,393,811,750	2,168,230,789

22. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi vay ngân hàng	4,587,208,806	3,256,149,168
Lãi vay trái phiếu	7,893,611,111	-
Lãi vay khác	603,000,000	535,332,000
Tổng cộng	13,083,819,917	3,791,481,168

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	254,012,755,106	368,677,101,197
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	250,910,386,554	358,530,460,821
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	3,102,368,552	10,146,640,376
Trong đó:		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (2) = (1) x 25%	775,592,138	2,536,660,094
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế hiện hành năm nay (3)	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành = (2) + (3)	775,592,138	2,536,660,094

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

(tiếp theo)

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	819,395,919	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	819,395,919	-

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	293,536,531,317	292,073,255,031
Chi phí nhân công	37,388,359,232	54,488,419,002
Chi phí máy thi công	20,376,437,282	11,577,963,554
Chi phí khấu hao TSCĐ	951,517,612	3,443,961,679
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	23,228,978,236	41,776,941,330
Tổng cộng	375,481,823,679	403,360,540,596

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin với các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		13,528,746,352	6,918,338,183
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	-	6,503,774,546
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà số 1	Công ty con	-	414,563,637
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí Hà Nội	Công ty con	13,528,746,352	-
Doanh thu hoạt động tài chính		459,000,000	558,500,000
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà số 1	Công ty con	459,000,000	558,500,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

(tiếp theo)

Chi phí		71,351,972,303	44,150,201,105
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà số 1	Công ty con	45,778,340,486	44,024,717,832
Công ty CP TVTK Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	612,562,000	125,483,273
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí Hà Nội	Công ty con	24,961,069,817	-
Chi phí hoạt động tài chính		603,000,000	535,332,000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	603,000,000	535,332,000

1.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu khách hàng		7,130,152,000	7,398,111,500
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà số 1	Công ty con	-	167,959,500
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	7,130,152,000	7,230,152,000
Phải thu khác		12,505,898,700	18,762,939,200
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long	Công ty con	-	8,120,000,000
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	12,147,917,500	10,452,917,500
Công ty CP TVTK Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	190,021,700	190,021,700
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà số 1	Công ty con	167,959,500	-
Trả trước người bán		20,824,890,549	6,454,557,932
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà số 1	Công ty con	12,573,665,368	6,454,557,932
Công ty CP Hồng Hà Dầu khí Hà Nội	Công ty con	8,251,225,181	-
Phải trả người bán		18,519,974,550	35,661,764,514
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà số 1	Công ty con	16,937,046,485	35,661,764,514
Công ty CP TVTK Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	373,818,200	-
Công ty CP Hồng Hà Dầu khí Hà Nội	Công ty con	1,209,109,865	-
Phải trả khác		12,000,000,000	12,000,000,000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	12,000,000,000	12,000,000,000

2. Những thông tin khác

2.1 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	6,000,000	80,078,300
Văn phòng Công ty	-	42,797,300
Ngô Thị Ngọc Lan	-	36,797,300
Đỗ Thành Trung	-	3,000,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

(tiếp theo)

<i>Đỗ Minh Lai</i>	-	3,000,000
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6,000,000	32,400,000
Chi nhánh Đà Nẵng	-	4,881,000
<i>Lê Văn Tuấn</i>	-	4,881,000
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5,036,395,560	6,739,870,598
Văn phòng Công ty	4,887,777,201	6,690,995,158
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân</i>	<i>4,887,777,201</i>	<i>6,690,995,158</i>
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	148,618,359	48,875,440
<i>Ký quỹ Bưu điện</i>	<i>5,000,000</i>	<i>5,000,000</i>
<i>Ký quỹ bảo lãnh NHTMCP Quân đội</i>	-	33,875,440
<i>Đặt cọc thuê xe ô tô</i>	<i>10,000,000</i>	<i>10,000,000</i>
<i>Ký quỹ bảo lãnh Đại học Công nghệ Sài Gòn</i>	<i>133,618,359</i>	-
Tổng cộng	5,042,395,560	6,819,948,898

2.2 Đầu tư vào Công ty con

	30/06/2011		01/01/2011	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	906,000	9,060,000,000	306,000	3,060,000,000
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà	102,000	1,020,000,000	102,000	1,020,000,000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	102,000	1,020,000,000	102,000	1,020,000,000
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	3,766,000	82,910,000,000	3,766,000	82,910,000,000
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	-	23,031,780,000	-	23,031,780,000
Công ty TNHH XD&TM Quang Long	-	-	-	9,811,500,000
Công ty CP Hồng Hà Dầu khí Hà Nội	1,268,000	12,680,000,000	-	-
Công ty CP Sản Xuất Cửa Hoa Kỳ	209,575	2,241,770,000	-	-
Tổng cộng		131,963,550,000		120,853,280,000

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

(tiếp theo)

2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7,196,007,501	7,378,157,194
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1,020,298,872	1,175,018,074
Chi phí Khấu hao Tài sản cố định	951,517,612	1,186,562,187
Thuế, phí, lệ phí	57,150,300	23,750,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,193,718,067	3,388,454,841
Chi phí bằng tiền khác	1,153,631,859	1,568,600,844
Tổng cộng	14,572,324,211	14,720,543,140

2.4 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Thu từ thanh lý Tài sản cố định	-	228,665,455
Chênh lệch đánh giá lại TSCĐ do góp vốn	4,003,541,543	-
Tổng cộng	4,003,541,543	228,665,455

2.5 Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý	-	42,610,261
Chi phí khác	5,215,562	1,919,453
Tổng cộng	5,215,562	44,529,714

3 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 và Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Hoàng Quốc Huy